

Số: 79/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2026/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nông Văn D**, sinh năm 1988

Số CCCD: 019088011308; Dân tộc: Tày

Bị đơn: **Chị Trần Thị H**, sinh năm 1988

Số CCCD: 019188002664; Dân tộc: Kinh

Cùng nơi cư trú: xóm L, xã T, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nông Văn D và chị Trần Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn D và chị Trần Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Anh D, chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nông Quý T sinh ngày 16/12/2008 và cháu Nông A Thư sinh ngày 12/7/2019.

Ly hôn các đương sự thống nhất thỏa thuận: Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm và chăm sóc các con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nông Anh T1 số tiền 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Nông Anh T1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D và chị H tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nông Quý T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3) Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) Về án phí: Anh Nông Văn D tự nguyện chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000878 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 5 - TN;
- THADS tỉnh TN;
- UBND xã Tràng Xá, TN;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Huyền